

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HS-ST

Ngày 18/10 /2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Huỳnh.

2. Bà Trịnh Thị Oanh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Nguyễn Thị Hà Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Ông Phan Hữu Luyến – Kiểm sát viên.

Ngày 18/10/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2019/HSST - QĐST đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Quang L; sinh năm: 1977. Nơi sinh: Tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 35 X, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: S1, Lê Hồng Ph, phường Tn, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ học vấn: 2/12.

Con ông Trần Văn R (chết) và con bà Nguyễn Thị Kim Tr, sinh năm 1950. Trú tại: 35, X, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Gia đình bị cáo có 08 anh, em ruột, bị cáo là con thứ 4 trong gia đình.

Bị cáo có vợ là Hoàng Thị V1, sinh năm 1981 và có 02 con. Con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2009.

Tiền án: Ngày 28/9/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 03 năm tù về tội trộm cắp tài sản, được hoãn thi hành án phạt tù theo Quyết định số 04 ngày 08/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, chưa chấp hành bản án.

Tiền sự: Không.

Nhân thân bị cáo:

- Ngày 11/4/1996 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt Trần Quang L 24 tháng tù và tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 09/9/1997 chấp hành xong hình phạt tù

- Ngày 03/12/1999 Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt Trần Quang L 06 tháng tù và tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 24/10/2014 chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 19/11/2013 Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt Trần Quang L 06 tháng tù và tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 24/10/2014 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/12/2018 đến ngày 17/02/2019. Từ ngày 18/02/2019 đi chấp hành án (thi hành bản án số 213 ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B) tại Trại giam Đắk Trung Bộ Công an (Có mặt tại phiên tòa)

* Người bị hại:

1. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1975

Địa chỉ: TT, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Bà Lê Thị V, sinh năm 1967

Địa chỉ: B2, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

4. Bà Huỳnh Thị Thu S, sinh năm 1988.

Địa chỉ: T1, thị trấn Ph, huyện K tỉnh Đắk Lắk.

5. Bà Đỗ Thị Thanh H2, sinh năm 1995.

Địa chỉ: T 19/5, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

6. Bà Đỗ Thị Kiều L, sinh năm 1977.

Địa chỉ: T2, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Bà H1, bà V, bà S, bà T, bà H2 và bà L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

7. Bà Trần Thị Thu H3, sinh năm 1991

Địa chỉ: T13, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

8. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1974.

Địa chỉ: T7, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

9. Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số 43, T 8, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

10. Bà Bùi Thị H4, sinh năm 1971

Địa chỉ: T3, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

11. Bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn 3, xã Cư Ni, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

12. Bà Vũ Thị Nh, sinh năm 1968.

Địa chỉ: T2A, thị trấn E, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk

13. Bà Đặng Thị Nh2, sinh năm 1978.

Địa chỉ: T3A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

14. Bà Nguyễn Thị H5, sinh năm 1977.

Địa chỉ: T1, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

(H3, bà Ng, bà Nh, bà Nh2, bà Đ, bà H4, bà H5, bà Th vắng mặt không có lý do)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1981.

Địa chỉ: S, Lê Hồng Ph, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.(có mặt)

- Bà Trần Thị Thu S1, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 46 Hoàng D, T4, phường A thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.(vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 08/10/2018 đến ngày 12/11/2018, Trần Quang L đã thực hiện 09 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện K, thị xã B và huyện E, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 08/10/2018, L điều khiển xe mô tô biển số 47H5-3940 đi từ thành phố B đến trường mầm non H, ở tổ dân phố 6, phường A, thị xã B. L dựng xe ngoài cổng trường, rồi đi bộ đến phòng học lớp lá số 4, lấy 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SamSung Galaxy J5, màu vàng để trên bàn giáo viên và 01 túi xách bằng vải, màu xám bên trong có 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Sony Vaio SVE 14126 CVB Core i5, màu đen để trên giường xếp của cô giáo Trần Thị Thu H3 rồi đi về thành phố B. Về đến khu vực đèo H, thuộc thị xã B, L bán điện thoại và máy tính xách tay cho hai người đàn ông (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) lấy 1.100.000 đồng (BL số 156, 418, 419, 432).

Vụ thứ 2: Khoảng 10 giờ ngày 10/10/2018, L điều khiển xe mô tô biển số 47H5-3940 đi từ thành phố B đến trường tiểu học Nguyễn Bá Ng, thuộc thôn T, xã E, huyện K. L dựng xe ngoài cổng trường, rồi đi bộ vào phòng học lớp 1A, lục giỏ xách của cô giáo Lê Thị H1 đang để trên bàn giáo viên, lấy 01 ví da màu đen đi ra ngoài kiểm tra, lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1S, màu hồng và 3.100.000 đồng, vớt ví da tại khu vực cổng trường rồi đi về thành phố B. Khi về đến khu vực siêu thị Coopmart, thành phố B, L bán điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S cho một người đàn ông (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) lấy 1.000.000 đồng (BL số 151, 159).

Vụ thứ 3: Khoảng 07 giờ ngày 12/10/2018, L điều khiển xe mô tô biển số 47H5-3940 đi từ thành phố B đến trường tiểu học Ngô Q thuộc thôn T, xã E, huyện K. L dựng xe ngoài cổng trường, rồi đi bộ vào phòng học lớp 1C, lục giỏ xách của cô giáo Trần Thị T để trên bàn giáo viên (trong lớp chỉ có các cháu học sinh nhỏ tuổi) lấy 01 ví da màu đỏ. Sau đó đi ra phía sau dãy phòng học kiểm tra ví da lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng gold và 600.000 đồng, vớt ví da lại rồi đi về thành phố B. Khi về đến khu vực chợ đầu mối thuộc phường T, thành phố B, L bán chiếc điện thoại cho một người đàn ông (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) lấy 700.000 đồng (BL số 152, 159).

Vụ thứ 4: Khoảng 09 giờ ngày 15/10/2018, L điều khiển xe mô tô biển số 47H5-3940 đi từ thành phố B đến trường tiểu học K, ở tổ dân phố 5, phường A, thị xã B. L dựng xe ngoài cổng trường, rồi đi bộ đến phòng học lớp 1A1, lấy 01 cặp xách bằng da, màu nâu của cô giáo Nguyễn Thị Ng, để trên nóc tủ rồi đi về thành phố B. Trên đường về L kiểm tra bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5 và 01 cái áo khoác nữ, màu đỏ, bên trong túi áo có 3.200.000 đồng. L lấy điện thoại và tiền rồi vớt cặp xách và áo khoác lại bên đường. Khi về đến thành phố B, L bán điện thoại cho một người đàn ông lái taxi (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) lấy 1.050.000 đồng (BL số 155, 421, 444).

Vụ thứ 5: Khoảng 08 giờ ngày 18/10/2018, L điều khiển xe mô tô biển số 47H5-3940 đi từ thành phố B đến trường mầm non thị trấn Ph, ở tổ dân phố 4, thị trấn Ph, huyện K. L dựng xe ngoài cổng trường, rồi đi bộ vào phòng học lớp nhỡ B phát hiện 01 túi xách của cô giáo Lê Thị V để trên kệ đồ chơi, lục túi xách lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5, màu xám, tiếp tục đi lên tầng 2 vào phòng học lớp lớn A phát hiện 01 túi xách của cô giáo Huỳnh Thị Thu S để trong học bàn giáo viên, lục túi xách lấy 6.000.000 đồng, tiếp tục đi vào phòng học lớp nhỡ A, lấy 01 ví da màu xanh của cô giáo Đỗ Thị Thanh H2 trong ba lô để trên tủ. Trên đường về thành phố B, L kiểm tra ví da lấy 305.000 đồng rồi vứt ví da vào bên đường, còn điện thoại Samsung J5 L bán cho một người phụ nữ (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) lấy 1.000.000 đồng (BL số 152, 160, 237).

Vụ thứ 6: Khoảng 7 giờ ngày 19/10/2018, L điều khiển xe mô tô biển số 47H5-3940 đi từ thành phố B đến trường tiểu học Trần Quốc T, ở thôn Ph 2, xã E, huyện K. L dựng xe ngoài cổng trường, rồi đi bộ vào lớp 1C, lấy 01 ví da màu đen của cô giáo Đỗ Thị Kiều L để trên bàn giáo viên, rồi đi ra khu vực cách trường khoảng 200m kiểm tra bên trong lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu SeoMi (ML), Note5, màu vàng và 1.000.000 đồng, vứt ví da lại rồi đi về thành phố B. Khi đến khu vực Hoa viên thành phố B, L bán điện thoại cho một người đàn ông (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) lấy 400.000 đồng (BL số 153, 160, 246).

Vụ thứ 7: Khoảng 07 giờ ngày 07/11/2018, L điều khiển xe mô tô biển số 47H5-3940 đi từ thành phố B đến trường tiểu học Quang Tr, ở T7, phường A, thị xã B. L dựng xe ngoài cổng trường, rồi đi bộ vào phòng học lớp 5A1 lấy 01 ví da, màu vàng của cô giáo Bùi Thị Đ để trên bàn giáo viên rồi đi ra ngoài khu vực cổng trường kiểm tra bên trong lấy 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy J7, màu vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell X1, màu trắng và 100.000 đồng, vứt ví da lại rồi đi về thành phố B. Khi về đến thành phố B bán hai điện thoại cho hai người đàn ông (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đang đứng đợi xe buýt lấy 800.000 đồng (BL số 155, 421, 550).

Vụ thứ 8: Khoảng 06 giờ 40 phút ngày 12/11/2018, L điều khiển xe mô tô biển số 47H5-3940 đi từ thành phố B đến trường tiểu học Nguyễn Thị Minh Kh ở T3, thị trấn E, huyện E. Lúc này trường đang trong giờ chào cờ. L dựng xe ngoài cổng trường, rồi đi bộ đến phòng học lớp 2B, lục túi xách của cô giáo Bùi Thị H4 để trên bàn giáo viên, lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A6+, màu vàng; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia 7300, bàn phím số và 3.400.000 đồng, tiếp tục đi vào phòng học lớp 1D lấy 01 điện thoại di động nhãn

hiệu XiaoMi, màu đen của cô giáo Hoàng Thị Th để trên bàn giáo viên, tiếp tục đi vào phòng học lớp 1C lấy 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, màn hình cảm ứng, màu xám và 01 ví da bên trong có 2.300.000 đồng của cô giáo Vũ Thị Nh để trên bàn giáo viên (BL số 154, 160, 320, 342).

Vụ thứ 9: Sau khi trộm cắp tài sản ở trường tiểu học Nguyễn Thị Minh Kh, L đi xe đến trường tiểu học Trần Hưng Đ, ở T2, thị trấn E, huyện E. L dựng xe ngoài cổng trường, rồi đi bộ vào phòng học lớp 1A, lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu I Phone 6S Plus, màu hồng đang sạc pin ở trên bàn học sinh của cô giáo Đặng Thị Nh2. L tiếp tục đi đến phòng học lớp 1B, lục túi xách, màu đen đang để trên bàn giáo viên, lấy 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy J7, màu trắng; bộ trang sức bằng vàng 18K (vàng tây) gồm: 01 lắc vàng; 01 dây chuyền vàng; 01 đôi bông tai vàng, 03 nhẫn vàng; 02 dây chuyền bạc; 01 đồng hồ đeo tay của cô giáo Nguyễn Thị H5. Trên đường về L bán điện thoại I Phone 6S Plus, màu hồng cho một người thanh niên (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) lấy 450.000 đồng; Điện thoại Samsung A6+, màu vàng và điện thoại Samsung Galaxy J7, bán cho hai người thanh niên (một nam, một nữ chưa xác định được nhân thân, lai lịch) lấy 2.000.000 đồng; Đi đến một đoạn đường vắng, L kiểm tra tài sản lấy được thì phát hiện đã đánh rơi 01 nhẫn vàng, còn điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 7300, bàn phím số, điện thoại di động nhãn hiệu XiaoMi, màu đen và điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, 01 đồng hồ đeo tay, 02 dây chuyền bạc, có giá trị thấp nên L đã vứt đi; 01 lắc vàng, 01 dây chuyền vàng, 01 đôi bông tai vàng, 02 nhẫn vàng L đem đến tiệm vàng của bà Trần Thị Thu S1, ở tổ dân phố 2, phường A, thị xã B bán lấy 16.900.000 đồng (BL số 154, 160, 306, 320, 328, 335, 342, 350, 359).

+ Tại Bản kết luận định giá tài sản số 86 ngày 15/11/2018, số 24 ngày 02/5/2019 và số 39 ngày 13/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K, kết luận:

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng gold, trị giá 4.600.000 đồng.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1S, màu hồng, trị giá 1.700.000 đồng.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5, màu xám, trị giá 1.000.000 đồng;

01 điện thoại di động nhãn hiệu SeoMi (ML) Note5, màu vàng, trị giá 2.000.000 đồng.

01 ví da màu đen, không rõ nhãn hiệu, trị giá 100.000 đồng.

01 ví da nhỏ để giấy tờ, không nhãn hiệu, trị giá 50.000 đồng.

01 ví da màu đen nhãn hiệu Juno, trị giá 200.000 đồng.

01 ví da màu đỏ, không rõ nhãn hiệu, trị giá 100.000 đồng.

01 xe mô tô biển số 47H5-3940, trị giá 2.3000.000 đồng.

+ Tại Bản kết luận định giá tài sản số 74 ngày 12/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã B, kết luận:

01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy J5, màu vàng, trị giá 2.840.000 đồng.

01 máy tính xách tay nhãn hiệu Sony Vaio SVE 14126 CVB Core i5, cùng 01 túi xách bằng vải đựng máy tính, trị giá 7.000.000 đồng.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F5, trị giá 2.770.000 đồng.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7, màu vàng, trị giá 3.490.000 đồng.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell X1, màu trắng, trị giá 315.000 đồng.

01 áo khoác nữ màu đỏ, không rõ đặc điểm; 01 cặp xách da, không rõ đặc điểm; 01 ví da màu nâu, không rõ đặc điểm, không đủ cơ sở để định giá.

+ Tại Bản kết luận định giá tài sản số 922 ngày 04/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện E, kết luận: Bộ trang sức vàng gồm: 03 nhẫn, 01 đôi bông tai, 01 lắc tay, 01 dây chuyền, trị giá 20.000.000 đồng.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7, trị giá 2.500.000 đồng.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu hồng, trị giá 6.000.000 đồng.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A6+, màu vàng, trị giá 5.200.000 đồng.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 7300, trị giá 300.000 đồng.

01 điện thoại di động Xiao Mi, không rõ đặc điểm, trị giá 1.500.000 đồng.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, không rõ đặc điểm, trị giá 800.000 đồng.

01 đồng hồ đeo tay, trị giá 800.000 đồng.

02 dây chuyền bạc, trị giá 1.000.000 đồng..

Cáo trạng số: 48/CT-VKS-HS ngày 17 tháng 7 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc truy tố bị cáo Trần Quang L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Quang L khai: Bị cáo là người không có nghề nghiệp ổn định lại đang bị bệnh mất khả năng lao động, để có tiền tiêu xài, và sinh sống bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Trong khoảng thời gian từ ngày 08/10/2018 đến ngày 12/11/2018 L dụng sơ hở của các giáo viên trường mầm non và trường tiểu học trên địa bàn huyện K, E và thị xã B, tỉnh Đắk Lắk bị cáo đã thực hiện chín vụ trộm cắp tài sản là điện thoại, máy tính, đồng hồ, tiền mặt, vàng, bạc,... Với tổng trị giá hơn 84.270.000đ.

Đại diện VKSND huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi của bị cáo; giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Quang L về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b,c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 3 năm 06 tháng đến 4 năm tù. Áp dụng Điều 55, Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của số 213/2017 ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 06 năm 06 tháng đến 07 năm tù.

Đối với bà Trần Thị Thu S1, không biết tài sản do L trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc không xử lý.

Đối với những người mua điện thoại, máy tính do L trộm cắp, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

Các biện pháp tư pháp:

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng gold; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1S, màu hồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5, màu xám; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu SeoMi (ML) Note5, màu vàng; 01 ví da, màu đen, không rõ nhãn hiệu; 01 ví da nhỏ để giấy tờ, không nhãn hiệu; 01 ví da màu đen, nhãn hiệu Juno; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy J5, màu vàng; 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu Sony Vaio SVE 14126 CVB Core i5, cùng 01 túi xách bằng vải đựng máy tính; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F5; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7, màu vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell X1, màu trắng; 01 ví da màu nâu, không rõ đặc điểm; Bộ trang sức vàng gồm: 03 nhẫn, 01 đôi bông tai, 01 lắc tay, 01 dây chuyền; 01 đồng hồ đeo tay; 02 dây chuyền bạc; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu hồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A6+, màu vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 7300; 01 điện

thoại di động XiaoMi, không rõ đặc điểm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, không rõ đặc điểm. Số tài sản trên L đem bán cho những người đi đường (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) và những tài sản có giá trị thấp, thì L vứt bỏ trên đường đi, quá trình điều tra không thu giữ được.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 47H5-3940 là tài sản chung của vợ chồng L. L dùng làm phương tiện trộm cắp tài sản, nhưng Hoàng Thị V1 không biết nên tịch thu, sung công quỹ ½ chiếc xe mô tô biển số 47H5-3940.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho bà Trần Thị T 4.000.000 đồng, bà T đã nhận đủ tiền và không yêu cầu bồi thường trị giá chiếc ví da màu đỏ; Bồi thường cho bà Huỳnh Thị Thu S 6.000.000 đồng, bà S đã nhận đủ tiền và không yêu cầu gì thêm; Bồi thường cho bà Nguyễn Thị H5 số tiền 8.000.000 đồng

Bà Lê Thị H1 có đơn xin bãi nại và không yêu cầu bị cáo trị giá chiếc điện thoại Oppo F1S, chiếc ví màu đen không rõ nhãn hiệu và 3.100.000 đồng; Bà Lê Thị V không yêu cầu bồi thường trị giá chiếc điện thoại SamSung J5; bà Hoàng Thị Th không yêu cầu bồi thường chiếc điện thoại Xiao Mi, màu đen; Bà Vũ Thị Nh không yêu cầu bồi thường chiếc điện thoại SamSung màu xám trị giá 800.000đ

Buộc bị cáo L bồi thường cho bà Trần Thị Thu H3 giá trị tài sản là 9.840.000đ; Bồi thường cho bà Đỗ Thị Thanh H2 305.000 đối với chiếc ví da trị giá là 50.000đ bà H2 không yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết; Bồi thường cho bà Đỗ Thị Kiều L giá trị tài sản tổng cộng 3.200.000đ; Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ng giá trị tài sản bị trộm cắp và số tiền 3.200.000 đồng; Bồi thường cho bà Bùi Thị Đ giá trị tài sản trộm cắp là 3.905.000đ; Bồi thường cho bà Bùi Thị H4 giá trị tài sản bị trộm cắp 8.900.000 đồng; Bồi thường cho bà Vũ Thị Nh 2.300.000 đồng; Bồi thường cho bà Đặng Thị Nh2 giá trị tài sản bị trộm cắp là 6.000.000đ; Bồi thường cho bà Nguyễn Thị H5 16.300.000đ;

Bị cáo Trần Quang L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận lại với đại diện Viện kiểm sát, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố thì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực

hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Trần Quang L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Kết luận điều tra, Cáo trạng đã truy tố.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa khẳng định, bản cáo trạng số 48/CT-VKS-HS ngày 17/7/2019 của VKSND huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo L là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và đề nghị HĐXX áp dụng theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Trần Quang L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Như vậy, HĐXX đã có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ ngày 08/10/2018 đến ngày 12/11/2018 Trần Quang L đã chín lần đột nhập vào các trường mầm non và tiểu học trên địa bàn huyện K, thị xã B và huyện E lấy cắp sản là điện thoại, máy tính, đồng hồ, tiền mặt, vàng, bạc,... Với tổng trị giá hơn 84.270.000đ. Hành vi của bị cáo Trần Quang L đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

1. “Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng Th1ộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

2. Phạm tội Th1ộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

Vận dụng điều luật nêu trên đối chiếu với hành vi phạm tội của bị cáo HĐXX cần áp dụng mức hình phạt sao cho thoả đáng để vừa đề cao được tính nghiêm minh của pháp luật. Qua đó giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật. Bị cáo nhận thức được rằng tài sản của công dân luôn được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, do ý thức coi thường pháp luật bị cáo đã trộm cắp tài sản của các bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo chẳng những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của các bị hại mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có nhân thân xấu, bị cáo đã nhiều lần bị xử lý hình sự về tội Trộm cắp

tài sản, đang trong thời gian được hoãn chấp hành án, nhưng bị cáo không tu dưỡng bản thân bất chấp pháp luật, chỉ trong thời gian ngắn bị cáo đã chín lần đột nhập vào các trường học lấy cắp tài sản có giá trị 84.270.000đ. Bản thân bị cáo không có nghề nghiệp mà chỉ lấy việc trộm cắp làm nguồn thu nhập chính để nuôi sống bản thân do đó việc Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản với tình tiết định khung tăng nặng “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” và “Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ” và đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội hai lần trở lên” và “Tái phạm, tái phạm nguy hiểm” theo quy định theo quy định điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ. Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hậu quả thật sự nghiêm trọng. Vì vậy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định đủ tác dụng cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong đời sống xã hội về loại tội phạm này.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo trình độ học vấn thấp nên nhận biết về pháp luật có phần hạn chế. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường cho bà Lê Thị T số tiền 4.000.000đ, bà Huỳnh Thị Thu S số tiền 6.000.000đ, bà Nguyễn Thị H5 số tiền 8.000.000đ nhằm khắc phục một phần hậu quả do mình gây ra. Quá trình giải quyết vụ án người bị hại là bà Lê Thị H1, bà Lê Thị V đã có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Mặt khác hiện tại bị cáo đang bị bệnh tai biến mạch máu não, suy tim, hội chứng thận hư... nên thường xuyên phải điều trị dài ngày theo chỉ định của bác sỹ. Do vậy, HĐXX áp dụng điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[5] Đối với bà Trần Thị Thu S1, là người đã mua bộ trang sức vàng gồm: 03 nhẫn, 01 đôi bông tai, 01 lắc tay, 01 dây chuyền (vàng tây) của Trần Quang L. Tuy nhiên, khi mua số tài sản trên bà S1 không biết tài sản do L trộm cắp mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc không xử lý là phù hợp.

[6] Đối với những người mua điện thoại, máy tính của L, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng:

Số tài sản mà Trần Quang L đã trộm cắp bao gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng gold; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1S, màu hồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5, màu xám; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu SeoMi (ML) Note5, màu vàng; 01 ví da, màu đen, không rõ nhãn hiệu; 01 ví da nhỏ để giấy tờ, không nhãn hiệu; 01 ví da màu đen, nhãn hiệu Juno; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy J5, màu vàng; 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu Sony Vaio SVE 14126 CVB Core i5, cùng 01

túi xách bằng vải đựng máy tính; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F5; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7, màu vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell X1, màu trắng; 01 ví da màu nâu, không rõ đặc điểm; Bộ trang sức vàng gồm: 03 nhẫn, 01 đôi bông tai, 01 lắc tay, 01 dây chuyền; 01 đồng hồ đeo tay; 02 dây chuyền bạc; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu hồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A6+, màu vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 7300; 01 điện thoại di động XiaoMi, không rõ đặc điểm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, không rõ đặc điểm. Sau khi trộm cắp được số tài sản trên Trần Quang L đem bán cho những người đi đường (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) và những tài sản có giá trị thấp, thì L vứt bỏ trên đường đi, quá trình điều tra không thu giữ được nên không đề cập giải quyết.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Warm, màu xám, biển số 47H5-3940, số máy 152FMH-21014741, số khung 1100641 theo kết quả định giá ngày 13/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk có trị giá 2.300.000đ. Đây là tài sản chung của L và bà Hoàng Thị V1. L dùng làm phương tiện trộm cắp tài sản, nhưng Hoàng Thị V1 không biết nên HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 46 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu, sung công quỹ $\frac{1}{2}$ chiếc xe mô tô biển số 47H5-3940. Hoàn trả lại cho bà Hoàng Thị V1 $\frac{1}{2}$ trị giá còn lại của chiếc xe là 1.150.000đ (Một triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng) là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Trong quá trình giải quyết bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho bà Trần Thị T 4.000.000 đồng (trị giá chiếc điện thoại Iphone 6 Plus và chiếc ví); Bồi thường cho bà Huỳnh Thị Thu S số tiền 6.000.000 đồng, bà T, bà S đã nhận đủ tiền và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Bồi thường cho bà Nguyễn Thị H5 số tiền 8.000.000đ. Xét thấy việc thỏa thuận bồi thường nêu trên giữa bị cáo với bà S, bà T, bà H5 là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên HĐXX áp dụng điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự chấp nhận là phù hợp.

- Đối với số tài sản bị cáo L đã trộm cắp của bà Lê Thị H1 bao gồm Oppo F1S, chiếc ví màu đen không rõ nhãn hiệu và 3.100.000 đồng; bà Lê Thị V là 01 điện thoại SamSung J5. Ngày 30/9/2019 bà V và bà H1 đã có đơn xin bãi nại và không yêu cầu bị cáo L có không yêu cầu bồi thường trị giá đơn xin bãi nại và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên không đề cập giải quyết.

- Đối với tài sản trộm cắp của bà Hoàng Thị Th là chiếc điện thoại Xiao Mi, bà Vũ Thị Nh chiếc điện thoại SamSung màu xám trong quá trình giải quyết vụ án bà Th, bà Nh không yêu cầu bị cáo bồi trị giá chiếc điện thoại nên không đề cập giải quyết.

- Đối với số tài sản mà bị cáo trộm cắp bao gồm:

01 Điện thoại Sam Sung Galaxy J5; 01 Máy tính xách tay Sony Vaio SVE 14126 CVB Core i5, màu đen của bà Trần Thị Hoài Th1 trị giá là 9.840.000đ; 01 Điện thoại nhãn hiệu Oppo F5, 01 cái áo khoác nữ màu đỏ và 3.200.000đ, tổng cộng là 5.970.000đ của bà Nguyễn Thị Ng; 01 điện thoại Seo Mi (ML) Note5, 01 ví da và 1.000.000đ, tổng cộng 3.200.000đ của bà Đỗ Thị Kiều L; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy J7, màu vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell X1, màu trắng và 100.000 đồng, 01 vớ ví da, tổng cộng 3.905.000đ của bà Bùi Thị Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A6+ màu vàng; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia 7300, bàn phím số và 3.400.000, tổng cộng là 8.900.000đ của bà Bùi Thị H4; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, màn hình cảm ứng, màu xám và 01 ví da và 2.300.000 đồng, tổng cộng là 3.100.000đ của bà Vũ Thị Nh; lấy 01 của bà Đặng Thị Nh2 điện thoại di động nhãn hiệu I Phone 6S Plus, màu hồng trị giá 6.000.000đ; lấy của bà Nguyễn Thị H5 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7, màu trắng; bộ trang sức bằng vàng 18K (vàng tây) gồm: 01 lắc vàng; 01 dây chuyền vàng; 01 đôi bông tai vàng, 03 nhẫn vàng; 02 dây chuyền bạc; 01 đồng hồ đeo tay trị giá 24.300.000đ; 305.000đ của bà Đỗ Thị Thanh H2.

Trong quá trình điều tra bà bà Trần Thị Hoài Th1, bà Đỗ Thị Kiều L, bà Nguyễn Thị Ng, bà Bùi Thị Đ, bà Bùi Thị H4, bà Vũ Thị Nh, bà Đặng Thị Nh2; bà Nguyễn Thị H5, bà Đỗ Thị Thanh H2 yêu cầu bị cáo L bồi thường giá trị tài sản trộm cắp. Hội đồng xét xử xét thấy việc các bị hại yêu cầu bị cáo Trần Quang L bồi thường giá trị tài sản mà L đã trộm cắp là có căn cứ nên áp dụng Điều 584, 586, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Trần Quang L phải bồi thường cho các bị hại là phù hợp

Đối với số tiền 18.000.000đ mà bà Hoàng Thị V1, đã thanh toán cho bà Lê Thị T và bà Huỳnh Thị Thu S, bà Nguyễn Thị H5 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà V không yêu cầu Trần Quang L hoàn trả lại số tiền trên cho bà V nên không đề cập giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo Trần Quang L phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Đại diện VKSND huyện Krông Pắc thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị hình phạt, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng đối với bị cáo là phù hợp nên HĐXX nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm, b s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584; 585; 586; 589 Bộ luật dân sự

Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên bố: Bị cáo Trần Quang L phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”

Xử phạt: Bị cáo Trần Quang L 03 (ba) năm 06 tháng tù.

Áp dụng Điều 55, khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt của bản án số 213/2017/HSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 06 (sáu) năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/02/2019.

- Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, sung công quỹ $\frac{1}{2}$ chiếc xe mô tô biển số 47H5-3940. Hoàn trả lại cho bà Hoàng Thị V1 $\frac{1}{2}$ trị giá còn lại của chiếc xe 47H5-3940 là 1.150.000đ (Một triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).

Về trách nhiệm dân sự:

- Chấp nhận việc bị cáo Trần Quang L đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho bà Trần Thị T 4.000.000 đồng (trị giá chiếc điện thoại Iphone 6 Plus và chiếc ví); Bồi thường cho bà Huỳnh Thị Thu S số tiền 6.000.000 đồng, bà T, bà S đã nhận đủ tiền và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

- Chấp nhận việc bà Lê Thị H1 không yêu cầu Trần Quang L bồi thường 01 điện thoại Oppo F1S, chiếc ví da và số tiền 3.100.000 đồng; bà Lê Thị V không yêu cầu bồi thường trị giá 01 điện thoại Samsung J5; bà Hoàng Thị Th không yêu cầu bồi thường trị giá chiếc điện thoại Xiao Mi; bà Vũ Thị Nh không yêu cầu bị cáo bồi thường trị giá chiếc điện thoại là 800.000đ

- Buộc bị cáo Trần Quang L phải bồi thường cho các bị hại số tiền cụ thể như sau:

- + Bồi thường cho bà Trần Thị Hoài Th1 số tiền 9.840.000đ;
- + Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền 5.970.000đ;
- + Bồi thường cho bà Đỗ Thị Kiều L số tiền 3.200.000đ;
- + Bồi thường cho bà Bùi Thị Đ số tiền số tiền 3.905.000đ;
- + Bồi thường cho bà Bùi Thị H4 số tiền 8.900.000đ;
- + Bồi thường cho bà Vũ Thị Nh số tiền 2.300.000đ;
- + Bồi thường cho bà Đặng Thị Nh2 số tiền 6.000.000đ;
- + Bồi thường cho bà Nguyễn Thị H5 số tiền 16.300.000đ
- + Bồi thường cho bà Đỗ Thị Thanh H2 số tiền 305.000đ

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

Về án phí: Buộc bị cáo Trần Quang L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 2.836.000đ (Hai triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo toàn bộ bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của vụ án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo toàn bộ bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Công an huyện Krông Pắc;
- THADS huyện K;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền